| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BÌNH CHÁNH**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 998/2024/DS-ST
Ngày: 30/12/2024
*V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh Huyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phan Thị Dòn
2. Bà Nguyễn Thị Nguyên

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hồng Phước – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 673/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 943/2024/QĐXXST-DS ngày 08/11/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 787/2024/QĐST-DS ngày 02/12/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại cổ phần P**

Trụ sở chính: Số A, L, phường B, Quận *, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trịnh Văn T**. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Quang Nc**. Chức vụ: Giám đốc PGD B (Theo Giấy ủy quyền số 16/2023/UQ-Ct.HĐQT ngày 14/03/2023 của Chủ tịch hội đồng quản trị ngân hàng TMCP P)

Ngân hàng TMCP P ủy quyền cho: Ông **Nguyễn Đức T**, sinh năm 1998; địa chỉ: Lầu 2, 135 T, phường C, Quận *, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền số: 988/2023/UQ-P ngày 16/10/2023) (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông **Phan Thành N,** sinh năm: 1989 và bà **Phạm Thị Bích T**, sinh năm 1990 (vắng mặt không lý do).

Cùng địa chỉ: xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo Đơn khởi kiện ngày 18/10/2023, các bản tự khai, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được ngày 03/01/2024 và 07/5/2024, biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 03/01/2024 và 07/5/2024, nguyên đơn Ngân hàng TMCP P có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Đức T trình bày:***

Ông Phan Thành N và bà Phạm Thị Bích T đã thỏa thuận ký kết Hợp đồng tín dụng số ST19023636/2019/LTT/HĐTD ngày 04/11/2019; Khế ước nhận nợ số ST19023636/2019/LTT/KUNN ngày 06/11/2019 với Ngân hàng TMCP P để vay vốn, chi tiết như sau:

- Số tiền vay: 690.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu trăm chín mươi triệu đồng chẵn);

- Mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô nhãn hiệu Toyota Fortuner, sản xuất năm 2019;

- Thời hạn vay: 84 tháng;

- Lãi suất vay: Trong 03 tháng đầu: Lãi suất vay 11,9%/năm. Từ tháng thứ 4 trở đi áp dụng lãi suất cho vay điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần (sau đây gọi là kỳ điều chỉnh lãi suất), kỳ điều chỉnh lãi đầu tiên vào ngày 14/02/2020 theo công thức tính lãi suất như sau:

Lãi suất cho vay (điều chỉnh) = Lãi suất cơ sở (1) + Biên độ lại suất (2)

Trong đó: Lãi suất cơ sở (1) : Lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng VNĐ trả lãi cuối kỳ cao nhất do P công bố tại thời điểm tính lãi.

Biên độ lãi suất (2): tối thiểu 4,5%/năm.

- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn;

Sau khi ký kết Hợp đồng tín dụng, P đã thực hiện giải ngân số tiền vay nêu trên, hình thức giải ngân/rút vốn được P thực hiện căn cứ theo chỉ định của ông Phan Thành N và bà Phạm Thị Bích T tại Khế ước nhận nợ số ST19023636/2019/LTT/KUNN ngày 06/11/2019 mà P với ông Phan Thành N và bà Phạm Thị Bích T đã ký kết.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Phan Thành N và bà Phạm Thị Bích T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định trong Hợp đồng tín dụng số ST19023636/2019/LTT/HĐTD ngày 04/11/2019 và Khế ước nhận nợ số ST19023636/2019/LTT/KUNN ngày 06/11/2019 đã được ký kết giữa P với ông Phan Thành N và bà Phạm Thị Bích T.

Khi phát sinh nợ quá hạn và những vi phạm về nghĩa vụ trả nợ của ông Phan Thành N và bà Phạm Thị Bích T, P đã nhiều lần nhắc nhở - yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho P nhưng đến nay ông Phan Thành N và bà Phạm Thị Bích T vẫn không thanh toán nợ vay cho P. Như vậy, ông Phan Thành N và bà Phạm Thị Bích T đã vi phạm cam kết, nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng. Khế ước nhận nợ và các cam kết đã ký kết với P.

Tổng dư nợ của ông Phan Thành N và bà Phạm Thị Bích T tại P phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số ST19023636/2019/LTT/HĐTD ngày 04/11/2019 tạm tính đến ngày 30/12/2023 là: 528.613.794 đồng (Trong đó: Nợ gốc là 441.776.818 đồng; Nợ lãi là 86.836.976 đồng).

Nay Ngân hàng TMCP P kính đề nghị Quý Tòa án xem xét giải quyết những vấn đề sau:

1. Buộc ông Phan Thành N và bà Phạm Thị Bích T trả ngay cho Ngân hàng TMCP P tổng số nợ của Hợp đồng tín dụng số ST19023636/2019/LTT/HĐTD ngày 04/11/2019 tạm tính đến ngày 30/12/2023 là 528.613.794 đồng (Trong đó: Nợ gốc là 441.776.818 đồng; Nợ lãi là 86.836.976 đồng) và tiền lãi, phí phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết từ ngày 31/12/2023 cho đến khi ông Phan Thành N và bà Phạm Thị Bích T hoàn Thành N vụ trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP P.

2. Nếu ông Phan Thành N và bà Phạm Thị Bích T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP P được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế kể cả việc kê biên phát mãi, xử lý các tài sản khác của ông Phan Thành N và bà Phạm Thị Bích T để thanh toán hết toàn bộ nợ vay của ông Phan Thành N và bà Phạm Thị Bích T tại Ngân hàng TMCP P theo quy định pháp luật.

***Bị đơn ông Phan Thành N và bà Phạm Thị Bích T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, không có bất kỳ văn bản nào thể hiện ý kiến hay yêu cầu của mình đối với nội dung khởi kiện của nguyên đơn, cũng không giao nộp cho Tòa án bất kỳ tài liệu chứng cứ nào.***

**Tại phiên tòa:**

- Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP P yêu cầu như sau:

1. Buộc ông Phan Thành N và bà Phạm Thị Bích T trả ngay cho Ngân hàng TMCP P tổng số nợ của Hợp đồng tín dụng số ST19023636/2019/LTT/HĐTD ngày 04/11/2019 tạm tính đến ngày 30/12/2024 là 509.731.217 đồng (Trong đó: Nợ gốc là 417.773.533 đồng; Nợ lãi là 91.957.684 đồng) và tiền lãi, phí phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết từ ngày 31/12/2024 cho đến khi ông Phan Thành N và bà Phạm Thị Bích T hoàn Thành N vụ trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP P.

2. Nếu ông Phan Thành N và bà Phạm Thị Bích T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP P được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế kể cả việc kê biên, phát mãi, xử lý các tài sản khác của ông Phan Thành N và

bà Phạm Thị Bích T để thanh toán hết toàn bộ nợ vay của ông Phan Thành N và bà Phạm Thị Bích T tại Ngân hàng TMCP P theo quy định pháp luật.

Đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Fotuner là tài sản đảm bảo của bên vay trong Hợp đồng tín dụng số ST19023636/2019/LTT/HĐTD ngày 04/11/2019 hiện nay n gân hàng không biết xe đang ở đâu, do ai quản lý sử dụng và không có yêu cầu phát mãi đối với chiếc xe này.

- Bị đơn: Ông Phan Thành N và bà Phạm Thị Bích T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, không có bất kỳ văn bản nào thể hiện ý kiến hay yêu cầu của mình đối với nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu quan điểm*:

- Về tuân theo tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, về thời hạn giải quyết chưa bảo đảm đúng thời hạn.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết Tòa án:*

Ngân hàng thương mại cổ phần P khởi kiện ông Phan Thành N, bà Phạm Thị Bích T yêu cầu thanh toán khoản tiền vay nợ với mục đích thanh toán tiền mua xe ô tô nhãn hiệu Toyota Fortuner. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc tranh chấp dân sự về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng".

Căn cứ theo khoản 5, khoản 6, Điều 12 của Hợp đồng tín dụng số ST19023636/2019/LTT/HĐTD của Ngân hàng TMCP P có quy định: "5. *Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến hợp đồng này sẽ được giải quyết bởi Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật Việt Nam. 6. Trường hợp P khởi kiện Bên vay để giải quyết tranh chấp, các Bên thống nhất rằng địa chỉ của Bên vay là địa chỉ nêu tại Hợp đồng này. Nếu Bên vay thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho P bằng văn bản, thì được hiểu là Bên vay cố tình giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ và P có quyền yêu cầu cơ quan giải quyết tranh chấp thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Bên vay chấp nhận việc cơ quan giải quyết tranh chấp xét xử vắng mặt Bên vay, kể cả trường hợp không lấy được lời khai của Bên vay".*

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP P khởi kiện yêu cầu ông Phan Thành N, bà Phạm Thị Bích T thanh toán khoản tiền vay nợ. Căn cứ vào Phiếu trả lời xác minh ngày 18/12/2023 của Công an xã An Phú Tây, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp: "*Công dân Phan Thành N, SN: 1989 có đăng ký thường trú tại: 327A/13 Ấp 1, An Phú Tây, Bình Chánh từ ngày 12/9/2009. Hiện không thực tế cư trú tại địa phương. Đi đâu không rõ. Công dân Phạm Thị Bích T, SN: 1990 không có đăng ký thường trú tại A, B. Hiện không thực tế cư trú tại địa phương".* Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

*[2] Về sự vắng mặt của đương sự:*

Nguyên đơn có người đại diện theo ủy quyền có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Phan Thành N, bà Phạm Thị Bích T mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản sau: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các Giấy triệu tập đương sự nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự thì bị đơn đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu chứng cứ đã thu thập được để giải quyết vụ án. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

*[3] Về nội dung vụ án và yêu cầu của đương sự:*

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bản tự khai và lời trình bày của người đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP P có cơ sở xác định ông Phan Thành N, bà Phạm Thị Bích T đã thỏa thuận ký kết Hợp đồng tín dụng số ST19023636/2019/LTT/HĐTD ngày 04/11/2019; Khế ước nhận nợ số ST19023636/2019/LTT/KUNN ngày 06/11/2019 với Ngân hàng TMCP P để vay vốn, chi tiết như sau: Số tiền vay: 690.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu trăm chín mươi triệu đồng chẵn); Mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô nhãn hiệu Toyota Fortuner, sản xuất năm 2019; Thời hạn vay: 84 tháng; Lãi suất vay: Trong 03 tháng đầu: Lãi suất vay 11,9%/năm. Từ tháng thứ 4 trở đi áp dụng lãi suất cho vay điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần (sau đây gọi là kỳ điều chỉnh lãi suất), kỳ điều chỉnh lãi đầu tiên vào ngày 14/02/2020 theo công thức tính lãi suất như sau: Lãi suất cho vay (điều chỉnh) = Lãi suất cơ sở (1) + Biên độ lãi suất (2). Trong đó: Lãi suất cơ sở (1) : Lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng VNĐ trả lãi cuối kỳ cao nhất do P công bố tại thời điểm tính lãi. Biên độ lãi suất (2): tối thiểu 4,5%/năm. Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn;

Sau khi ký kết Hợp đồng tín dụng, P đã thực hiện giải ngân số tiền vay nêu trên, hình thức giải ngân/rút vốn được P thực hiện căn cứ theo chỉ định của ông Phan Thành N và bà Phạm Thị Bích T tại Khế ước nhận nợ số ST19023636/2019/LTT/KUNN ngày 06/11/2019 mà P với ông Phan Thành N và

bà Phạm Thị Bích T đã ký kết. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Phan Thành N và bà Phạm Thị Bích T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định trong Hợp đồng tín dụng số ST19023636/2019/LTT/HĐTD ngày 04/11/2019 và Khế ước nhận nợ số ST19023636/2019/LTT/KUNN ngày 06/11/2019 đã được ký kết giữa P với ông Phan Thành N và bà Phạm Thị Bích T. Khi phát sinh nợ quá hạn và những vi phạm về nghĩa vụ trả nợ của ông Phan Thành N và bà Phạm Thị Bích T, P đã nhiều lần nhắc nhở - yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho P nhưng đến nay ông Phan Thành N và bà Phạm Thị Bích T vẫn không thanh toán nợ vay cho P. Như vậy, ông Phan Thành N và bà Phạm Thị Bích T đã vi phạm cam kết, nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng. Khế ước nhận nợ và các cam kết đã ký kết với P.

Ngân hàng TMCP P yêu cầu ông Phan Thành N, bà Phạm Thị Bích T phải thanh toán cho P tạm tính đến hết ngày 30/12/2024, tổng số nợ là: 509.731.217 đồng, trong đó: Vốn gốc 417.773.533 đồng; Lãi quá hạn 91.957.684 đồng. Buộc ông Phan Thành N, bà Phạm Thị Bích T còn phải tiếp tục trả tiền lãi, phí phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết từ ngày 31/12/2024 cho đến khi ông Phan Thành N và bà Phạm Thị Bích T hoàn Thành N vụ trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP P. Nếu ông Phan Thành N và bà Phạm Thị Bích T không thực hiện hoặc thực hiện không đùng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP P được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế kể cả việc kê biên phát mãi, xử lý các tài sản khác của ông Phan Thành N và bà Phạm Thị Bích T để thanh toán hết toàn bộ nợ vay của ông Phan Thành N và bà Phạm Thị Bích T tại Ngân hàng TMCP P theo quy định pháp luật.

** Xét yêu cầu trả nợ tiền gốc của nguyên đơn:*

- Căn cứ Hợp đồng tín dụng số ST19023636/2019/LTT/HĐTD ngày 04/11/2019 Khế ước nhận nợ - khách hàng cá nhân số ST19023636/2019/LTT/KUNN ngày 06/11/2019 của ông Phan Thành N, bà Phạm Thị Bích T có xác nhận của Ngân hàng TMCP P thể hiện ngày 06/11/2019 nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn số tiền vay: 690.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu trăm chín mươi triệu đồng chẵn); Mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô nhãn hiệu Toyota Fortuner, sản xuất năm 2019; Thời hạn vay: 84 tháng; Lãi suất vay: Trong 03 tháng đầu: Lãi suất vay 11,9%/năm. Từ tháng thứ 4 trở đi áp dụng lãi suất cho vay điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần (sau đây gọi là kỳ điều chỉnh lãi suất), kỳ điều chỉnh lãi đầu tiên vào ngày 14/02/2020 theo công thức tính lãi suất như sau: Lãi suất cho vay (điều chỉnh) = Lãi suất cơ sở (1) + Biên độ lãi suất (2). Trong đó: Lãi suất cơ sở (1) : Lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 13 thàng VNĐ trả lãi cuối kỳ cao nhất do P công bố tại thời điểm tính lãi. Biên độ lãi suất (2): tối thiểu 4,5%/năm. Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn.

- Căn cứ vào thời hạn thanh toán và lời khai của nguyên đơn thể hiện đến thời điểm hiện nay bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số ST19023636/2019/LTT/HĐTD ngày 04/11/2019 Khế ước nhận nợ - khách hàng cá nhân số ST19023636/2019/LTT/KUNN ngày 06/11/2019 là: 509.731.217 đồng, trong đó: Vốn gốc 417.773.533 đồng; Lãi quá hạn 91.957.684 đồng.

- Căn cứ theo quy định tại Điều 5, Điều 7, Điều 8 của Hợp đồng tín dụng số ST19023636/2019/LTT/HĐTD ngày 04/11/2019 của Ngân hàng TMCP P thể hiện bị đơn đã vi phạm thời hạn trả nợ gốc và nợ lãi cho nguyên đơn nên nguyên đơn có quyền chấm dứt việc cho vay và thu hồi nợ trước hạn.

- Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn…*".

- Căn cứ Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: *"1. Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng. 2. Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn, nếu các bên không có thỏa thuận khác thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ, tài sản bảo đảm tiền vay theo hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm và quy định của pháp luật. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, mua bán nợ của tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước; 3. Trong trường hợp khách hàng vay hoặc người bảo đảm không trả được nợ do bị phá sản, việc thu hồi nợ của tổ chức tín dụng được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản; 4. Tổ chức tín dụng có quyền quyết định miễn, giảm lãi suất, phí cho khách hàng theo quy định nội bộ của tổ chức tín dụng."*

Căn cứ vào các quy định trên của Hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết và căn cứ vào các quy định của pháp luật có cơ sở xác định bị đơn ông Phan Thành N, bà Phạm Thị Bích T đã vi phạm thỏa thuận trả nợ, mặc dù đã được Ngân hàng TMCP P thông báo nhắc nợ nhiều lần nhưng phía bị đơn vẫn không thanh toán đầy đủ nợ cho Ngân hàng. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ gốc là 417.773.533 (bốn trăm mười bảy triệu, bảy trăm bảy mươi ba nghìn, năm trăm ba mươi ba) đồng là có cơ sở chấp nhận.

* *Về yêu cầu trả tiền lãi của nguyên đơn:*

Căn cứ Điều 1, Điều 5 của Hợp đồng tín dụng số ST19023636/2019/LTT/HĐTD ngày 04/11/2019 và Điều 1 của Khế ước nhận nợ - khách hàng cá nhân số ST19023636/2019/LTT/KUNN ngày 06/11/2019 của Ngân hàng TMCP P quy định: *"Lãi suất vay: Trong 03 tháng đầu: Lãi suất vay 11,9%/năm. Từ tháng thứ 4 trở đi áp dụng lãi suất cho vay điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần (sau đây gọi là kỳ điều chỉnh lãi suất), kỳ điều chỉnh lãi đầu tiên vào ngày 14/02/2020 theo công thức tính lãi suất như sau: Lãi suất cho vay (điều chỉnh) = Lãi suất cơ sở (1) + Biên độ lãi suất (2). Trong đó: Lãi suất cơ sở (1) : Lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng VNĐ trả lãi cuối kỳ cao nhất do P công bố tại thời điểm tính lãi. Biên độ lãi suất (2): tối thiểu 4,5%/năm. Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn".*

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: *"Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật".*

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy, việc các bên thỏa thuận về lãi suất trong Hợp đồng tín dụng số ST19023636/2019/LTT/HĐTD ngày

04/11/2019 và Khế ước nhận nợ - khách hàng cá nhân số ST19023636/2019/LTT/KUNN ngày 06/11/2019 dành cho khách hàng cá nhân đã ký kết giữa hai bên là hoàn toàn phù hợp. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền lãi là 91.957.684 (chín mươi mốt triệu, chín trăm năm mươi bảy nghìn, sáu trăm tám mươi tư đồng) là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích và nhận định trên, đồng thời xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với quy định tại các Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 94, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

** Về yêu cầu bị đơn vẫn phải tiếp tục chịu lãi, phí phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho tới khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho nguyên đơn:*

Căn cứ khoản 2 Điều 5 của Hợp đồng tín dụng số ST19023636/2019/LTT/HĐTD ngày 04/11/2019: *"Trường hợp Bên vay không thanh toán lãi đúng hạn thì Bên vay phải chịu phạt chậm trả lãi với Tiền lãi chậm trả bằng (=) Số tiền lãi chậm trả nhân (x) Số ngày chậm trả lãi nhân (x) lãi suất chậm trả (%/năm) chia cho (:) 365. Lãi suất chậm trả là 10%/năm hoặc theo mức lãi suất khác do P xác định nhưng không vượt quá mức lãi suất tối đa pháp luật quy định. Số ngày chậm trả được tính từ ngày kế tiếp của ngày đến hạn trả lãi cho đến hết ngày Bên vay trả hết phần lãi bị thanh toán trễ hạn".*

Căn cứ vào khoản 2 Điều 7 của Hợp đồng tín dụng số ST19023636/2019/LTT/HĐTD ngày 04/11/2019 quy định: *"P thực hiện thông báo cho Bên vay về việc chuyển nợ quá hạn, số dư nợ gốc bị quá hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất áp dụng đối với nợ quá hạn và các nội dung khác P cho là cần thiết thông báo đến Bên vay. Thời điểm chuyển nợ quá hạn để áp dụng lãi suất quá hạn do P ấn định khi số dư nợ gốc thuộc một trong các trường hợp nêu tại khoản 1 Điều này và không phụ thuộc vào việc Bên vay đã nhận thông báo chuyển nợ quá hạn từ P hay chưa.".*

Vì vậy, nguyên đơn buộc ông Phan Thành N, bà Phạm Thị Bích T còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng số ST19023636/2019/LTT/HĐTD ngày 04/11/2019, tính kể từ ngày 31/12/2024 đến ngày trả dứt nợ. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu này của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận.

*[4]* Từ những phân tích và nhận định trên, đồng thời xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*[5] Về án phí sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự sơ thẩm:* Do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn ông Phan Thành N, bà Phạm Thị Bích T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ nêu trên*,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 94, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi,lãi suất, phạt vi phạm

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP P đối với bị đơn ông Phan Thành N, bà Phạm Thị Bích T.

2. Buộc ông Phan Thành N, bà Phạm Thị Bích T thanh toán cho Ngân hàng TMCP P tổng số nợ tính đến ngày 30/12/2024 là 509.731.217 (Năm trăm lẻ chín triệu, bảy trăm ba mươi mốt nghìn, hai trăm mười bảy) đồng, trong đó: Vốn gốc 417.773.533 đồng; nợ lãi 91.957.684 đồng.

3. Buộc ông Phan Thành N, bà Phạm Thị Bích T còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng số ST19023636/2019/LTT/HĐTD ngày 04/11/2019 và Khế ước nhận nợ - khách hàng cá nhân số ST19023636/2019/LTT/KUNN ngày 06/11/2019, tính kể từ ngày 31/12/2024 đến ngày trả dứt nợ.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phan Thành N, bà Phạm Thị Bích T phải chịu 24.389.249 (Hai mươi bốn triệu, ba trăm tám mươi chín nghìn, hai trăm bốn mươi chín) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 12.577.884 (mười hai triệu, năm trăm bảy mươi bảy nghìn, tám trăm tám mươi tư) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0020707 ngày 07/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về quyền kháng cáo: Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

6. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận:***
- Các đương sự (1);
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp (2);
- Chi Cục Thi hành án dân sự cùng cấp (1);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (5).

2 000012 127205

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thanh Huyền**